

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 45/2021/DS- ST

Ngày: 12/3/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Xuân Bình.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Quý** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp Bình Phú, xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: **Đỗ Thị Thu N**, sinh năm 1985 (theo văn bản ủy quyền ngày 23/12/2020)

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang

Bị đơn: **Nguyễn Huỳnh N**, sinh năm 1961;

Bùi Thị T, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: ấp Bình Phú, xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(*Chị N, bà T có mặt; ông N vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện ủy quyền nguyên đơn chị N trình bày:

Vào khoảng năm 2017, vợ chồng ông N, bà T có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng nông nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu của chị N, vợ chồng bà T mua nhiều lần, những lần mua thiếu thì chị N vô sổ theo dõi. Đến cuối năm 2017, vợ chồng bà T còn nợ chị N số tiền 37.000.000đồng. Năm 2018, chị N nhiều lần đòi vợ chồng bà T trả tiền nhưng ông bà hứa trả từ từ, sau đó ông bà hứa bán đất sẽ trả nhưng cũng không thực hiện. Đến ngày 22/12/2020, chị N có đơn kiện yêu cầu tổ hòa giải của ấp Bình Phú, xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây giải quyết nhưng hòa giải không thành.

Nay, chị N yêu cầu ông N, bà T trả cho chị Như số tiền 37.000.000đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 30/12/2018 đến khi Tòa án xét xử, tiền lãi tạm tính là 7.370.400đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà T cùng trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có mua vật tư nông nghiệp và còn nợ chị N số tiền 37.000.000đồng. Khi hòa giải ở ấp thì hai bên thống nhất số tiền nợ là 37.000.000đồng, không có tiền lãi. Từ năm 2018 đến trước khi hòa giải ở ấp thì chị N có đến nhà bà để yêu cầu trả tiền thì bà nói để vài bữa bà lấy tiền thì bà sẽ trả cho chị N. Nay, bà đồng ý trả số tiền 37.000.000đồng, không đồng ý trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

* Theo bản tự khai bị đơn ông N trình bày: Ông thừa nhận có mua phân bón, thuốc trừ sâu để trồng trọt tại cửa hàng của chị N. Trong quá trình mua ông mua tiền mặt và mua thiếu, mua thiếu thì chị N ghi nợ có cuốn sổ theo dõi do chị N giữ. Ngày 22/12/2020 chị N kiện ông tại trụ sở ấp Bình Phú với tổng số tiền 37.000.000đồng, tôi đồng ý trả, xin trả nhiều đợt nhưng chị N không đồng ý. Ông chấp nhận trả số tiền 37.000.000đồng nhưng không đồng ý trả lãi. Nay, chị N yêu cầu ông trả một lần, ông không có khả năng, ông xin trả mỗi tháng 2000.000đồng cho đến khi hết nợ vì trồng trọt thất bại.

* Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị N yêu cầu ông N, bà T trả số tiền gốc 37.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày hòa giải ở ấp Bình Phú, xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây là ngày 22/12/2020 đến ngày Tòa án xét xử (12/3/2021) là 02 tháng 20 ngày với lãi suất 0,83%/tháng là 737.000đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà T xin trả lần đầu là 10.000.000đồng, số tiền còn lại 27.000.000đồng trả mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ, bà không đồng ý trả số tiền lãi là 737.000đồng.

*** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: áp dụng Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự năm 2005 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Huỳnh N có đơn xin vắng mặt tại Tòa án cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Huỳnh N, bà Bùi Thị T là tranh chấp hợp đồng hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu ông N, bà T cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ mua bán vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) là 37.000.000đồng là có cơ sở, bởi lẽ, giữa chị N và ông N, bà T có xác lập hợp đồng mua bán như lời trình bày của các đương sự và phù hợp với lời khai của ông Nguyễn tại bản tự khai ngày 18/01/2021 và biên bản hòa giải ngày 22/12/2020 của Ban hòa giải ấp Bình Phú, xã Bình Phú, huyện Gò Công Tây. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị N yêu cầu ông N, bà T trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, tại phiên tòa, bà Thương đồng ý trả số tiền 37.000.000đồng nhưng xin trả dần, lần đầu trả 10.000.000đồng, số tiền còn lại 27.000.000đồng mỗi tháng trả 2000.000đồng cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, trông trọt thất bại. Tại bản tự khai ngày 18/01/2021, ông N đồng ý trả số tiền 37.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Yêu cầu xin trả dần của bà T, ông N không được đại diện ủy quyền của nguyên đơn đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc ông Nguyễn, bà T cùng có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền 37.000.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi, do phía ông N, bà T chậm thanh toán số nợ nêu trên nên tại phiên tòa đại diện ủy quyền nguyên đơn chị Ngoan thay đổi thời gian tính lãi, chị yêu cầu ông Nguyễn, bà Thương trả tiền lãi từ ngày 22/12/2020 đến ngày xét xử 12/3/2021 là 02 tháng 20 ngày theo lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 737.000đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông N, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Huỳnh N được miễn án phí do ông là người cao tuổi theo quy định theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều Điều 147, 430, 440, 357 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huỳnh N.

Buộc ông Nguyễn Huỳnh N và bà Bùi Thị T cùng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Huỳnh N số tiền vốn 37.000.000đồng và tiền lãi 737.000đồng, tổng cộng vốn và lãi là 37.737.000đồng (*Ba mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng*). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị N cho đến khi thi hành án xong, ông N, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Ông Nguyễn Huỳnh N được miễn nộp án phí. Bà Bùi Thị T phải nộp số tiền 943.400đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Huỳnh N số tiền tạm ứng án phí 1.109.000đồng (*Một triệu một trăm lẻ chín ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0017066 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm, đối với ông Nguyễn kháng cáo tính từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình